TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2019/KDTM- ST
Ngày: 29/7/2019
Về việc tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị xây dựng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Hạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Đình Thế;

2/ Ông Phạm Chiến Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dươngtham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 16/2019/TLST-KDTM ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị xây dựng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST-KDTM ngày 25 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T; địa chỉ: Số 58/11, Quốc lộ 1A, ấp T, xã B, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Tấn P, chức vụ: Phó giám đốc; địa chỉ: Số 3A, đường T, phường 15, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 01/4/2019, có yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 21/5/2019).

- *Bị đơn:* Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc Xây Dựng B; địa chỉ: Số 40/2 đường T, khu phố B, phường D, thị xã D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Võ Xuân D, sinh năm 1984; Chức danh: Giám đốc là người đại diện theo pháp luật. (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2019, đơn xác định yêu cầu khởi kiện ngày 29/7/2019, các lời khai trong quá trình tố tụng, đại diện nguyên đơn là ông Nguyễn Tấn P trình bày:

Vào ngày 27 tháng 07 năm 2017, Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T (sau đây gọi tắt là Công ty T) có thỏa thuận ký kết hợp đồng kinh tế số: 110-17/HĐCTTB với Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc Xây Dựng B

(sau đây gọi tắt là Công ty B) về việc cho thuê thiết bị xây dựng. Nội dung hợp đồng cụ thể như sau:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Giá trị tài sản đã qua sử dụng /1Đvt (đồng)	Số lượng	Đơn giá thuê/tháng (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
1	Dàn 1.7m cđ	Khung	235.000	63	9.600	604.800	
2	Dàn 1.7m kđ	Khung	235.000	63	9.600	604.800	
3	Chéo1.96m	Cặp	45.000	126	3.300	415.800	
4	Chống tăng	Cái	210.000	100	11.000	1.100.000	
5	Kích U	Cái	40.000	150	4.000	600.000	
	Tiền thuê 1 tháng:					**3.325.400**	
	Tiền đặt cọc:					**6.650.800**	
	Tiền vận chuyển đi	Chuyến		2	450.000	900.000	
	Tiền vận chuyển về	Tính khi phát sinh					
	Tổng cộng					**7.550.800**	

1. Ngày 31/07/2017, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số: 01/110/17/HĐCTTB thỏa thuận nội dung:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Giá trị tài sản đã	Số	Đơn giá thuê/tháng	Thành tiền	Gh i

		tính	qua sử dụng /1Đvt (đồng)	lượng	(đồng)	(đồng)	chú
	Công trình : KDC H						
1	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	235.000	21	9.600	201.600	
2	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	235.000	21	9.600	201.600	
3	Chéo 1.96m	cặp	45.000	42	3.300	138.600	
4	Kích u 500	cái	45.000	40	4.000	160.000	
	Tiền thuê 1 tháng					**701.800**	
	Tiền đặt cọc					**1.403.600**	
	Tiền vận chuyển đi	chuyến		1	550.000	550.000	
	Tiền vận chuyển về	chuyến	tính khi phát sinh				
	Tổng cộng					**1.953.600**	

STT	Tên thiết bị	Đơn vị tính	Giá trị Tài sản đã qua sử dụng/1Đvt (đồng)	Số lượng	Đơn giá thuê/tháng (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
	Công trình: số 33 Q, C						
1	Xà gồ 5x10x3m	cây	180.000	90	11.000	990.000	

2	Xà gồ 5x5x3m	cây	110.000	150	9.000	1.350.000	
3	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	235.000	63	9.600	604.800	
4	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	235.000	42	9.600	403.200	
5	Dàn giáo 1.2m kđ	khung	235.000	21	7.800	163.800	
6	Chéo 1.96m	cặp	45.000	105	3.300	346.500	
7	Chéo 1.76m	cặp	43.000	21	3.300	69.300	
	Tiền thuê 1 tháng					**3.927.600**	
	Tiền đặt cọc					**7.855.200**	
	Tiền vận chuyển đi	chuyến		2	450.000	900.000	
	Tiền vận chuyển về	chuyến	tính khi phát sinh				
	Tổng cộng					**8.755.200**	

2. Ngày 14/08/2017, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số: 02/110/17/HĐCTTB, nội dung:

STT	**Tên thiết bị**	**Đơn vị tính**	**Giá trị tài sàn đã qua sử dụng /1Đvt (đồng)**	**Số lượng**	**Đơn giá thuê /tháng (đồng)**	**Thành tiền**	**Ghi chú**
	Công trình : KDC H						

1	Tôn 1x1m	Tấm	230.000	30	16.000	480.000	
2	Tôn 1x0.5m	Tấm	115.000	10	8.000	80.000	
	Tiền thuê 1 tháng					**560.000**	
	Tiền đặt cọc					**1.120.000**	
	Tiền vận chuyển đi	chuyến		1	550.000	550.000	
	Tiền vận chuyển về	chuyến	tính khi phát sinh				
	Tổng cộng					**1.670.000**	

STT	**Tên thiết bị**	**Đơn vị tính**	**Giá trị tài sản đã qua sử dụng/1Đvt (đồng)**	**Số lượng**	**Đơn giá thuê/tháng (đồng)**	**Thành tiền (đồng)**	**Ghi chú**
	Công trình: Số 33 Q, C						
1	Xà gồ 5x10x3m	cây	180.000	40	11.000	440.000	
2	Xà gồ 5x5x3m	cây	110.000	40	9.000	360.000	
3	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	225.000	42	9.600	403.200	
4	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	225.000	42	9.600	403.200	
5	Chéo 1.96m	cặp	45.000	84	3.300	277.200	

6	Chống tăng	cây	210.000	80	11.000	880.000	
7	Kích U 500	cái	45.000	80	4.000	320.000	
	Tiền thuê 1 tháng					**3.083.600**	
	Tiền đặt cọc					**6.167.200**	
	Tiền vận chuyển đi	chuyến		1	450.000	450.000	
	Tiền vận chuyển về	chuyến	tính khi phát sinh				
	Tổng cộng					**6.617.200**	

3. Ngày 24/08/2017, hai bên ký Phụ lục hợp đồng số: 03/110/17/HĐCTTB, nội dung:

STT	**Tên thiết bị**	**Đơn vị tính**	**Giá trị tài sản đã qua sử dụng /1Đvt (đồng)**	**Số lượng**	**Đơn giá thuê/tháng (đồng)**	**Thành tiền (đồng)**	**Ghi chú**
Công trình : Khu Dân Cư C đường số 12, P.A.							
1	Xà gồ 5x5x3m	cây	110.000	100	9.000	900.000	
2	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	225.000	21	9.600	201.600	
3	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	225.000	21	9.600	201.600	
4	Chéo 1.96m	cặp	45.000	42	3.300	138.600	
5	Chống tăng	cây	210.000	30	11.000	330.000	
6	Kích u 500	cái	45.000	30	3.000	90.000	
	Tiền thuê 1 tháng					**1.861.800**	
	Tiền đặt cọc					**3.723.600**	

	Tiền vận chuyển đi	chuyến		1	500.000	500.000	
	Tiền vận chuyển về	chuyến	tính khi phát sinh				
	Tổng cộng					**4.223.600**	

Sau khi ký Hợp đồng, nguyên đơn đã bàn giao đầy đủ số thiết bị theo hợp đồng đã ký kết, đồng thời trong thời gian thuê, bị đơn đã thuê thêm một số thiết bị của nguyên đơn cụ thể như sau:

STT	**Tên thiết bị**	**Đơn vị tính**	**Giá trị tài sản đã qua sử dụng /1Đvt (đồng)**	**Số lượng**	**Đơn giá thuê/ tháng (đồng)**	**Thành tiền (đồng)**	**Ghi chú**
I	**Ngày 25/08/2017**						
1	**Công trình: Số 33 Q, C**						
1.1	Dàn giáo 1.2m	khung	235.000	84	7.800	655.200	
1.2	Chéo 1.76m	cặp	43.000	84	3.300	277.200	
1.3	Kích U 500	cái	45.000	30	3.000	90.000	
1.4	Xà gồ 5x5x3m	cây	110.000	50	9.000	450.000	
2	**Công trình: Khu dân cư H**						
2.1	Tôn sàn 1x1m	Tấm	230.000	30	16.000	480.000	
II	**Ngày 28/08/2017**						
1	**Công trình: Khu dân cư C, P A**						
1.1	Chống tăng	Cái	210.000	40	11.000	440.000	

1.2	Kích U	Cái	40.000	40	4.000	160.000	
1.3	Xà gồ 5x5x2m	cây	90.000	20	6.000	120.000	
1.4	Xà gồ 5x5x3m	cây	110.000	40	9.000	360.000	
1.5	Dàn 1.7m cđ	khung	235.000	21	9.600	201.600	
1.6	Dàn giáo 1.2m kđ	khung	235.000	21	7.800	163.800	
1.7	Tôn 1x1m	Tấm	230.000	40	16.000	640.000	
1.8	Tôn 0.5x1m	Tấm	115.000	10	8.000	80.000	
1.9	Chéo 1.96m	cặp	45.000	21	3.300	69.300	
1.10.	Chéo 1.76m	cặp	45.000	21	3.300	69.300	
2	**Công trình: Số 33 Q, C**						
1	Chống tăng	Cái	210.000	50	11.000	550.000	
2	Kích U	Cái	40.000	50	4.000	200.000	
III	**Ngày 11/09/2017**						
1	**Công trình: Số 33, Q, C**						
1.1	Xà gồ 5x5x3m	cây	110.000	60	9.000	540.000	
1.2	Xà gồ 5x10x3m	cây	180.000	30	11.000	330.000	
IV	**Ngày 26/09/2017**						
1	**Công trình : 15 L, F 12, Quận T**						
1.1	Xà gồ 5x5x3m	cây	110.000	50	9.000	450.000	
1.2	Chống tăng	cây	210.000	50	11.000	550.000	
1.3	Tôn 1x1m	Tấm	230.000	60	16.000	960.000	
1.4	Tôn 1x0.5m	Tấm	115.000	10	8.000	80.000	
	Tiền thuê 1 tháng					**7.916.400**	

	Tiền đặt cọc					**15.832.800**	
	Tiền vận chuyển đi Cộng Hòa	chuyến		3	450.000	1.350.000	
	Tiền vận chuyển đi Quận 2	chuyến		1	500.000	500.000	
	Tiền vận chuyển đi Quận 7	chuyến		2	550.000	1.100.000	
	Tiền vận chuyển đi Tân Bình	chuyến		1	500.000	500.000	
	Tiền vận chuyển về	chuyến	tính khi phát sinh				
	Tổng cộng					**19.282.800**	

Đến ngày 02/02/2018 bị đơn đã trả hàng lần cuối cùng nhưng vẫn không trả hết số tiền thuê còn nợ lại và số thiết bị còn lại. Nguyên đơn đã nhiều lần điện thoại và đến văn phòng yêu cầu bị đơn yêu cầu thanh toán tiền thuê thiết bị xây dựng nêu trên, nhưng bị đơn cố tình lẩn tránh không giải quyết.

Tính đến ngày 29/7/2019, bị đơn vẫn không hoàn trả số tiền thuê và giá trị tài sản đang giữ tổng cộng là: 518.160.770 đồng. Cụ thể như sau:

1/ Công trình phường 12, quận T, thành phố Hồ Chí Minh: từ ngày 26/9/2017 đến ngày 29/7/2019 là 54.803.890 đồng bao gồm tiền thuê còn nợ là 33.253.890 đồng, tiền giá trị tài sản đang giữ là 21.550.000 đồng. Đã thanh toán 3.000.000 đồng ngày 26/9/2017, còn nợ 51.803.890 đồng. Cụ thể:

1.1 Về tiền thuê:

Tôn sàn 0.5 x 1m: số lượng 10 tấm, đơn giá thuê 267 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 651 ngày, thành tiền: 1.738.170 đồng;

Tôn sàn 1m x 1m: số lượng 80 tấm, đơn giá thuê 534 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 651 ngày, thành tiền: 27.810.720 đồng;

Kích U 500: số lượng 50 cây, đơn giá thuê 100 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 651 ngày, thành tiền: 3.255.000 đồng;

Phí vận chuyển: 450.000 đồng;

1.2 Về giá trị tài sản còn giữ:

Tôn sàn 0.5 x 1m: số lượng 10 tấm, đơn giá 115.000 đồng, thành tiền: 1.150.000 đồng;

Tôn sàn 1m x 1m: số lượng 80 tấm, đơn giá 230.000 đồng, thành tiền: 18.400.000 đồng;

Kích U 500: số lượng 50 cây, đơn giá 40.000 đồng, thành tiền: 2.000.000 đồng;

2/ Công trình Q: từ ngày 02/8/2017 đến ngày 29/7/2019 là 70.578.800 đồng bao gồm tiền thuê còn nợ là 42.068.800 đồng, tiền giá trị tài sản đang giữ là 28.510.000 đồng. Đã thanh toán 1.953.600 đồng ngày 31/7/2017 và 1.510.000 đồng, còn nợ 67.115.200 đồng. Cụ thể:

2.1 Về tiền thuê:

2.1.1 Thuê ngày 02/8/2017:

Dàn giáo 1.5m cđ: số lượng 21 khung, đơn giá thuê 320 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 706 ngày, thành tiền: 4.744.320 đồng;

Dàn giáo 1.5m kđ: số lượng 21 khung, đơn giá thuê 320 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 706 ngày, thành tiền: 4.744.320 đồng;

Chéo 1.96m: số lượng 42 cặp, đơn giá thuê 110 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 706 ngày, thành tiền: 3.261.720 đồng;

Kích U 500: số lượng 40 cây, đơn giá thuê 133 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 706 ngày, thành tiền: 3.755.920 đồng;

Phí vận chuyển: 550.000 đồng;

2.1.2 Thuê ngày 14/8/2017:

Tôn sàn 1m x 1m: số lượng 30 tấm, đơn giá thuê 534 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 694 ngày, thành tiền: 11.117.880 đồng;

Tôn sàn 0.5m x 1m: số lượng 10 tấm, đơn giá thuê 267 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 694 ngày, thành tiền: 1.852.980 đồng;

Phí vận chuyển: 550.000 đồng;

2.1.3 Thuê ngày 25/8/2017:

Tôn sàn 1m x 1m: số lượng 30 tấm, đơn giá thuê 534 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 683 ngày, thành tiền: 10.941.660 đồng;

Phí vận chuyển: 550.000 đồng;

2.2 Về giá trị tài sản còn giữ:

Dàn giáo 1.5m cđ: số lượng 21 khung, đơn giá 235.000 đồng, thành tiền: 4.935.000 đồng;

Dàn giáo 1.5m kđ: số lượng 21 khung, đơn giá 235.000 đồng, thành tiền 4.935.000 đồng;

Chéo 1.96m: số lượng 42 cặp, đơn giá 45.000 đồng, thành tiền: 1.890.000 đồng;

Kích U 500: số lượng 40 cây, đơn giá 45.000 đồng, thành tiền: 1.800.000 đồng;

Tôn sàn 1m x 1m: số lượng 60 tấm, đơn giá 230.000 đồng, thành tiền: 13.800.000 đồng;

Tôn sàn 0.5m x 1m: số lượng 10 tấm, đơn giá 115.000 đồng, thành tiền: 1.150.000 đồng;

3/ Công trình Q 2: từ ngày 24/8/2017 đến ngày 29/7/2019 là 173.290.480 đồng bao gồm tiền thuê còn nợ là 98.885.480 đồng, tiền giá trị tài sản đang giữ là 74.405.000 đồng. Đã thanh toán 18.831.000 đồng (4.223.000 đồng ngày 24/8/2017, 4.608.000 đồng ngày 28/8/2017 và 10.000.000 đồng ngày 28/11/2017) còn nợ 154.459.480 đồng. Cụ thể:

3.1 Về tiền thuê:

3.1.1 Thuê ngày 24/8/2017:

Xà gồ 5x10x3m: số lượng 100 cây, đơn giá thuê 367 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 684 ngày, thành tiền: 25.102.800 đồng;

Dàn giáo 1.5m cđ: số lượng 21 khung, đơn giá thuê 320 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 684 ngày, thành tiền: 4.596.480 đồng;

Dàn giáo 1.5m kđ: số lượng 21 khung, đơn giá thuê 320 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 684 ngày, thành tiền: 4.596.480 đồng;

Chéo 1.96m: số lượng 42 cặp, đơn giá thuê 110 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 684 ngày, thành tiền 3.160.080 đồng;

Chống tăng: số lượng 30 cây, đơn giá thuê 367 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 684 ngày, thành tiền: 7.530.840 đồng;

Kích U 500: số lượng 30 cây, đơn giá thuê 100 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 684 ngày, thành tiền: 2.052.000 đồng;

Phí vận chuyển: 500.000 đồng;

3.1.2 Thuê ngày 28/8/2017:

Chống tăng: số lượng 40 cây, đơn giá thuê 367 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền: 9.982.400 đồng;

Kích U 500: số lượng 40 cây, đơn giá thuê 100 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền: 2.720.000 đồng;

Xà gồ 5x5x2m: số lượng 20 cây, đơn giá thuê 200 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền: 2.720.000 đồng;

Xà gồ 5x10x3m: số lượng 40 cây, đơn giá thuê 300 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền: 8.160.000 đồng;

Dàn giáo 1.7m cđ xanh: số lượng 21 khung, đơn giá thuê 320 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền: 4.569.600 đồng;

Dàn giáo 1.2m: số lượng 21 khung, đơn giá thuê 260 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền: 3.712.800 đồng;

Chéo 1.76m: số lượng 21 cặp, đơn giá thuê 110 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền 1.570.800 đồng;

Chéo 1.96m: số lượng 21 cặp, đơn giá thuê 110 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền 1.570.800 đồng;

Tôn sàn 0.5m x 1m: số lượng 10 tấm, đơn giá thuê 267 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền: 1.815.600 đồng;

Tôn sàn 1m x 1m: số lượng 40 tấm, đơn giá thuê 534 đồng/ngày, số ngày thuê chưa trả: 680 ngày, thành tiền: 14.524.800 đồng;

3.2 Về giá trị tài sản còn giữ:

Xà gồ 5x10x3m: số lượng 100 cây, đơn giá 180.000 đồng, thành tiền: 18.000.000 đồng;

Xà gồ 5x5x2m: số lượng 20 cây, đơn giá 72.000 đồng, thành tiền: 1.440.000 đồng;

Xà gồ 5x5x3m: số lượng 40 cây, đơn giá 110.000 đồng, thành tiền: 4.400.000 đồng;

Dàn giáo 1.7m cđ xanh: số lượng 21 khung, đơn giá 235.000 đồng, thành tiền: 4.935.000 đồng;

Dàn giáo 1.2m cđ xanh: số lượng 21 khung, đơn giá 200.000 đồng, thành tiền: 4.200.000 đồng;

Dàn giáo 1.5m cđ: số lượng 21 khung, đơn giá 225.000 đồng, thành tiền: 4.725.000 đồng;

Dàn giáo 1.5m kđ: số lượng 21 khung, đơn giá 225.000 đồng, thành tiền: 4.725.000 đồng;

Chống tăng: số lượng 70 cây, đơn giá 210.000 đồng, thành tiền: 14.700.000 đồng;

Kích U 500: số lượng 70 cây, đơn giá 45.000 đồng, thành tiền: 3.150.000 đồng;

Chéo 1.76m: số lượng 21 cặp, đơn giá 45.000 đồng, thành tiền 945.000 đồng;

Chéo 1.96m: số lượng 63 cặp, đơn giá 45.000 đồng, thành tiền 2.835.000 đồng;

Tôn sàn 0.5m x 1m: số lượng 10 tấm, đơn giá 115.000 đồng, thành tiền: 1.150.000 đồng;

Tôn sàn 1m x 1m: số lượng 40 tấm, đơn giá 230.000 đồng, thành tiền: 9.200.000 đồng;

4/ Công trình C:

Từ ngày 27/7/2017 đến ngày 29/7/2019 là 274.571.400 đồng bao gồm tiền thuê còn nợ là 178.653.150 đồng, tiền giá trị tài sản đang giữ là 95.918.250 đồng. Đã thanh toán: 29.789.200 đồng vào các ngày:

Ngày 27/7/2017: 7.550.000 đồng;

Ngày 31/7/2017: 8.755.200 đồng;

Ngày 02/8/2017: 800.000 đồng;

Ngày 14/8/2017: 6.000.000 đồng;

Ngày 24/8/2017: 3.394.000 đồng;

Ngày 28/8/2017: 1.100.000 đồng;

Ngày 12/9/2017: 2.190.000 đồng;

Số tiền còn phải trả là 244.782.200 đồng. Cụ thể :

4.1 Về tiền thuê: (Trả hàng con số được đánh dấu (-), giá trị hàng đã trả được đánh dấu (-) và khấu trừ trong tiền thuê chưa thanh toán)

Ngày	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng thuê	Đơn giá thuê	Số ngày	Thành tiền
28/07/2017	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	63	320	711	14.333.760
28/07/2017	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	63	320	711	14.333.760
28/07/2017	Chéo 1.96m	cặp	126	110	711	9 854 460
28/07/2017	kích U 500	cây	150	133	711	14 184 450
28/07/2017	Chống tăng 4m	cây	100	367	711	26 093 700
28/07/2017	Phí vận chuyển	chuyến	2	450 000	1	900 000
31/07/2017	Xà gồ 5x10x3m	cây	90	367	708	23 385 240
31/07/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	150	300	708	31 860 000
31/07/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450 000	1	450 000
01/08/2017	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	63	320	707	14 253 120
01/08/2017	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	42	320	707	9 502 080
01/08/2017	Chéo 1.96m	cặp	105	110	707	8 165 850
01/08/2017	Dàn giáo 1.2m	khung	21	260	707	3 860 220
01/08/2017	Chéo 1.76m	cặp	21	110	707	1 633 170
01/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450 000	1	450 000
02/08/2017	kích U 500	cây	100	133	706	9 389 800
14/08/2017	Xà gồ 5x10x3m	cây	40	367	694	10 187 920
14/08/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	40	300	694	8 328 000
14/08/2017	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	42	320	694	9 327 360
14/08/2017	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	42	320	694	9 327 360
14/08/2017	Chéo 1.96m	cặp	84	110	694	6 412 560
14/08/2017	Chống tăng	cây	80	367	694	20 375 840
14/08/2017	kích U 500	cây	80	100	694	5 552 000
14/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450 000	1	450 000

25/08/2017	Dàn giáo 1.2m xanh	cái	84	260	683	14 916 720
25/08/2017	Chéo 1.76m	cặp	84	110	683	6 310 920
25/08/2017	kích U 500	cây	30	100	683	2 049 000
25/08/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	50	300	683	10 245 000
25/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450 000	1	450 000
28/08/2017	Chống tăng	cây	50	367	680	12 478 000
28/08/2017	kích U 500	cây	50	100	680	3 400 000
12/09/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	60	300	665	11 970 000
12/09/2017	Xà gồ 5x10x3m	cây	30	367	665	7 321 650
12/09/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450 000	1	450 000
TRẢ HÀNG						
26/12/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	- 29	300	560	- 4 872 000
26/12/2017	Xà gồ 4x8x3m	cây	- 3	333	560	- 559 440
26/12/2017	Xà gồ 5x10x3m	cây	- 12	367	560	- 2 466 240
26/12/2017	Xà gồ 5x10x2m	cây	- 1	245	560	- 137 200
26/12/2017	Xà gồ 4x8x2m	cây	- 2	222	560	- 248 640
26/12/2017	Chống tăng	cây	- 22	367	560	- 4 521 440
26/12/2017	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	- 30	320	560	- 5 376 000
26/12/2017	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	- 11	320	560	- 1 971 200
26/12/2017	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	- 4	320	560	- 716 800
26/12/2017	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	- 3	320	560	- 537 600
26/12/2017	Dàn giáo 1.2m	khung	- 3	260	560	- 436 800
26/12/2017	Dàn giáo 1.2m xanh	cái	- 20	260	560	- 2 912 000
26/12/2017	Chéo 1.76m	cặp	- 8	110	560	- 492 800
26/12/2017	Chéo 1.96m	cặp	- 56	110	560	- 3 449 600
26/12/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	500 000	1	500 000
18/01/2018	Xà gồ 5x10x1.5m	cây	- 1,0	184	537	- 98 808
18/01/2018	Tôn sàn 1mx1m	tấm	- 7,0	534	537	- 2 007 306
18/01/2018	Dàn giáo 1.2m	khung	- 37,0	260	537	- 5 165 940
18/01/2018	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	- 6,0	320	537	- 1 031 040
18/01/2018	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	- 16,0	320	537	- 2 749 440
18/01/2018	Chéo 1.96m	cặp	- 39,0	110	537	- 2 303 730
18/01/2018	Tôn sàn 0.5x1m	tấm	- 3,0	267	537	- 430 137
18/01/2018	Xà gồ 5x5x3m	cây	- 15,0	300	537	- 2 416 500
18/01/2018	Xà gồ 5x5x2.5m	cây	- 1,0	250	537	- 134 250
18/01/2018	Xà gồ 5x10x3m	cây	- 5,0	367	537	- 985 395
18/01/2018	Chéo 1.76m	cặp	- 12,0	110	537	- 708 840
18/01/2018	kích U 500	cây	- 28,0	100	537	- 1 503 600
18/01/2018	Chống tăng	cây	- 80,0	367	537	- 15 766 320
20/01/2018	Xà gồ 5x5x2.5m	cây	- 15,0	250	535	- 2 006 250
20/01/2018	Chống tăng	cây	- 24,5	367	535	- 4 810 453
20/01/2018	Xà gồ 5x5x3m	cây	- 55,0	300	535	- 8 827 500
20/01/2018	Xà gồ 5x10x3m	cây	- 33,0	367	535	- 6 479 385
20/01/2018	Xà gồ 5x10x2.5m	cây	- 1,0	306	535	- 163 710
20/01/2018	kích U 500	cây	- 121,0	100	535	- 6 473 500
20/01/2018	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	- 12,0	320	535	- 2 054 400
20/01/2018	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	- 8,0	320	535	- 1 369 600
20/01/2018	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	- 24,0	320	535	- 4 108 800
20/01/2018	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	- 33,0	320	535	- 5 649 600

20/01/2018	Chéo 1.96m	cặp	- 59,0	110	535	- 3 472 150
20/01/2018	Chéo 1.76m	cặp	- 14,0	110	535	- 823 900
20/01/2018	Dàn giáo 0.9m	khung	- 11,0	210	535	- 1 235 850
TRẢ HÀNG						
02/02/2018	Xà gồ 5x5x3m	cây	- 18,0	300	522	- 2 818 800
02/02/2018	Xà gồ 5x5x1m	cây	- 4,0	100	522	- 208 800
02/02/2018	Xà gồ 5x10x3m	cây	- 4,0	367	522	- 766 296
02/02/2018	Xà gồ 5x10x2m	cây	- 1,0	245	522	- 127 890
02/02/2018	Xà gồ 5x10x1m	cây	- 5,0	123	522	- 321 030
02/02/2018	Xà gồ 5x5x2m	cây	- 2,0	200	522	- 208 800
02/02/2018	Chéo 1.76m	cặp	- 24,0	110	522	- 1 378 080
02/02/2018	Chéo 1.96m	cặp	- 35,0	110	522	- 2 009 700
02/02/2018	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	- 25,0	320	522	- 4 176 000
02/02/2018	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	- 11,0	320	522	- 1 837 440
02/02/2018	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	- 25,0	320	522	- 4 176 000
02/02/2018	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	- 27,0	320	522	- 4 510 080
02/02/2018	Chống tăng	cây	- 26,5	367	522	- 5 076 711
02/02/2018	Dàn giáo 1.2m	khung	- 16,0	260	522	- 2 171 520
02/02/2018	Tôn sàn 1mx1m	tấm	- 10,0	534	522	- 2 787 480
	Tổng cộng :		**850**			**178 653 150**

4.2 Về giá trị tài sản còn giữ:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	Nhập kho	Xuất kho	Số lượng còn lại	Đơn giá đền bù	Thành tiền
1	Chéo 1.76m	cặp	105	58	47	43.000	2.021.000
2	Chéo 1.96m	cặp	315	189	126	45.000	5.670.000
3	Chống tăng	cây	230	153	77	210.000	16.170.000
4	Dàn giáo 1.2m	cái	105	76	29	235.000	6.815.000
5	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	42	29	13	225.000	2.925.000
6	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	42	40	2	225.000	450.000
7	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	126	95	31	235.000	7.285.000
8	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	105	71	34	235.000	7.990.000
9	kích U 500	cây	410	149	261	40.000	10.440.000
10	Xà gồ 5x10x3m	cây	160	54	106	180.000	19.080.000
11	Xà gồ 5x5x3m	cây	300	117	183	110.000	20.130.000
12	Dàn giáo 0.9m	khung	0	11	-11	44.000	-484.000
13	Tôn sàn 0.5x1m	tấm	0	3	-3	41.250	-123.750
14	Tôn sàn 1mx1m	tấm	0	17	-17	77.000	-1.309.000
15	Xà gồ 4x8x2m	cây	0	2	-2	37.000	-74.000
16	Xà gồ 4x8x3m	cây	0	3	-3	55.000	-165.000
17	Xà gồ 5x10x1m	cây	0	5	-5	22.000	-110.000
18	Xà gồ 5x10x1.5m	cây	0	1	-1	33.000	-33.000

19	Xà gồ 5x10x2m	cây	0	2	-2	44.000	-88.000
20	Xà gồ 5x10x2.5m	cây	0	1	-1	55.000	-55.000
21	Xà gồ 5x5x1m	cây	0	4	-4	13.000	-52.000
22	Xà gồ 5x5x2m	cây	0	2	-2	26.000	-52.000
23	Xà gồ 5x5x2.5m	cây	0	16	-16	32.000	-512.000
Tổng tiền đền bù:							**95 918 250**

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải thanh toán tiền thuê thiết bị xây dựng và bồi thường tiền tài sản không trả với tổng số tiền 518.160.770 đồng.

Bị đơn đã được Toà án thông báo thụ lý vụ án, tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án làm việc, không cung cấp lời khai và không có yêu cầu phản tố. Ngày 11/7/2019 và ngày 29/7/2019, Tòa án đã triệp tập hợp lệ bị đơn để tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, Tòa án và nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành theo quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào Điều 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng quy định. Về nội dung vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền thuê thiết bị xây dựng còn nợ tính đến ngày 29/7/2019 và yêu cầu bồi thường giá trị thiết bị thuê không trả với tổng số tiền 518.160.770 đồng nên đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị xây dựng" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương được quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc tham gia tố tụng của bị đơn: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa vào ngày 11/7/2019 và ngày 29/7/2019 nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về nội dung vụ án: Căn cứ vào hợp đồng cho thuê thiết bị xây dựng số 110/17/HĐCTTB ngày 27/7/2017 và các phụ lục hợp đồng số 01/110/17/HĐCTTB ngày 31/7/2017, số 02/110/17/HĐCTTB ngày 14/8/2017, số 03/110/17/HĐCTTB ngày 24/8/2017 được ký kết giữa Công ty T và Công ty B, các phiếu xuất kho và phiếu nhập kho do Công ty T cung cấp có cơ sở xác định trong năm 2017, Công ty T đã cho Công ty B thuê thiết bị để phục vụ công tác xây dựng tại một số Công trình tại Q, Q2, Quận T và đường C, Công ty B đã đặt cọc được một số tiền khi thuê và trả được một số thiết bị, còn nợ một số thiết bị và nợ tiền thuê cụ thể như sau:

1. Công trình tại Q 2: thuê từ ngày 24/8/2017 đến ngày 29/7/2019

Ngày thuê	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng thuê	Đơn giá thuê đồng/ngày	Số ngày	Thành tiền

24/08/2017	Xà gồ 5x10x3m	cây	100	367	684	25.102.800
24/08/2017	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	21	320	684	4.596.480
24/08/2017	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	21	320	684	4.596.480
24/08/2017	Chéo 1.96m	cặp	42	110	684	3.160.080
24/08/2017	Chống tăng	cây	30	367	684	7.530.840
24/08/2017	Kích U 500	cây	30	100	684	2.052.000
24/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	500 000	1	500.000
28/08/2017	Chống tăng	cây	40	367	680	9.982.400
28/08/2017	Kích U 500	cây	40	100	680	2.720.000
28/08/2017	Xà gồ 5x5x2m	cây	20	200	680	2.720.000
28/08/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	40	300	680	8.160.000
28/08/2017	Dàn giáo 1.7m cđ xanh	khung	21	320	680	4.569.600
28/08/2017	Dàn giáo 1.2m	khung	21	260	680	3.712.800
28/08/2017	Chéo 1.76m	cặp	21	110	680	1.570.800
28/08/2017	Chéo 1.96m	cặp	21	110	680	1.570.800
28/08/2017	Tôn sàn 0.5x1m	tấm	10	267	680	1.815.600
28/08/2017	Tôn sàn 1mx1m	tấm	40	534	680	14.524.800
	Tổng cộng :		**519**			**98.885.480**

2. Công trình tại Q: thuê từ ngày 02/8/2017 đến ngày 29/7/2019

Ngày thuê	**Tên thiết bị**	**Đơn vị**	**Số lượng thuê**	**Đơn giá thuê (đồng/ngày)**	**Số ngày**	**Thành tiền**
02/08/2017	**Thuê hàng ngày 02/08/2017**					
02/08/2017	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	21	320	706	4.744.320
02/08/2017	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	21	320	706	4.744.320
02/08/2017	Chéo 1.96m	cặp	42	110	706	3.261.720
02/08/2017	kích U 500	cây	40	133	706	3.755.920
02/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	550 000	1	550.000
14/08/2017	Tôn sàn 1mx1m	tấm	30	534	694	11.117.880
14/08/2017	Tôn sàn 0.5x1m	tấm	10	267	694	1.852.980
14/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	550 000	1	550.000
25/08/2017	Tôn sàn 1mx1m	tấm	30	534	683	10.941.660
25/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	550 000	1	550.000
	Tổng cộng :					**42.068.800**

3. Công trình tại Quận T: thuê từ ngày 26/9/2017 đến ngày 29/7/2019

Ngày thuê	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng thuê	Đơn giá thuê/ngày	Số ngày	Thành tiền (đồng)
26/09/2017	Tôn sàn 0.5x1m	tấm	10	267	651	1.738.170
26/09/2017	Tôn sàn 1mx1m	tấm	80	534	651	27.810.720
26/09/2017	kích U 500	cây	50	100	651	3.255.000
26/09/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450 000	1	450.000
	Tổng tiền thuê		**140**			**33.253.890**

4. Công trình tại C: thuê từ ngày 26/9/2017 đến ngày 29/7/2019

Ngày thuê	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng thuê	Đơn giá Thuê/ngày	Số ngày	Thành tiền (đồng)
28/07/2017	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	63	320	711	14.333.760
28/07/2017	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	63	320	711	14.333.760
28/07/2017	Chéo 1.96m	cặp	126	110	711	9.854.460
28/07/2017	kích U 500	cây	150	133	711	14.184.450
28/07/2017	Chống tăng 4m	cây	100	367	711	26.093.700
28/07/2017	Phí vận chuyển	chuyến	2	450.000	1	900.000
31/07/2017	Xà gồ 5x10x3m	cây	90	367	708	23.385.240
31/07/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	150	300	708	31.860.000
31/07/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450.000	1	450.000
01/08/2017	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	63	320	707	14.253.120
01/08/2017	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	42	320	707	9.502.080
01/08/2017	Chéo 1.96m	cặp	105	110	707	8.165.850
01/08/2017	Dàn giáo 1.2m	khung	21	260	707	3.860.220
01/08/2017	Chéo 1.76m	cặp	21	110	707	1.633.170
01/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450.000	1	450.000
02/08/2017	kích U 500	cây	100	133	706	9.389.800
14/08/2017	Xà gồ 5x10x3m	cây	40	367	694	10.187.920
14/08/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	40	300	694	8.328.000
14/08/2017	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	42	320	694	9.327.360
14/08/2017	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	42	320	694	9.327.360
14/08/2017	Chéo 1.96m	cặp	84	110	694	6.412.560
14/08/2017	Chống tăng	cây	80	367	694	20.375.840
14/08/2017	kích U 500	cây	80	100	694	5.552.000
14/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450 000	1	450.000
25/08/2017	Dàn giáo 1.2m xanh	cái	84	260	683	14.916.720
25/08/2017	Chéo 1.76m	cặp	84	110	683	6.310.920
25/08/2017	kích U 500	cây	30	100	683	2.049.000
25/08/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	50	300	683	10.245.000
25/08/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450 000	1	450.000
28/08/2017	Chống tăng	cây	50	367	680	12.478.000
28/08/2017	kích U 500	cây	50	100	680	3.400.000
12/09/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	60	300	665	11.970.000
12/09/2017	Xà gồ 5x10x3m	cây	30	367	665	7.321.650
12/09/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	450 000	1	450.000
TRẢ HÀNG						

Ngày trả	Tên thiết bị	Đơn vị	Số lượng trả	Đơn giá thuê/ngày	Số ngày đã trả	Thành tiền (đồng)
26/12/2017	Xà gồ 5x5x3m	cây	- 29	300	560	- 4.872.000
26/12/2017	Xà gồ 4x8x3m	cây	- 3	333	560	- 559.440
26/12/2017	Xà gồ 5x10x3m	cây	- 12	367	560	- 2.466.240
26/12/2017	Xà gồ 5x10x2m	cây	- 1	245	560	- 137.200
26/12/2017	Xà gồ 4x8x2m	cây	- 2	222	560	- 248.640
26/12/2017	Chống tăng	cây	- 22	367	560	- 4 521.440
26/12/2017	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	- 30	320	560	- 5.376.000
26/12/2017	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	- 11	320	560	- 1.971.200
26/12/2017	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	- 4	320	560	- 716.800
26/12/2017	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	- 3	320	560	- 537.600
26/12/2017	Dàn giáo 1.2m	khung	- 3	260	560	- 436.800
26/12/2017	Dàn giáo 1.2m xanh	cái	- 20	260	560	- 2 .12.000
26/12/2017	Chéo 1.76m	cặp	- 8	110	560	- 492.800
26/12/2017	Chéo 1.96m	cặp	- 56	110	560	- 3.449.600
26/12/2017	Phí vận chuyển	chuyến	1	500 000	1	500.000
18/01/2018	Xà gồ 5x10x1.5m	cây	- 1,0	184	537	- 98.808
18/01/2018	Tôn sàn 1mx1m	tấm	- 7,0	534	537	- 2.007.306
18/01/2018	Dàn giáo 1.2m	khung	- 37,0	260	537	- 5.165.940
18/01/2018	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	- 6,0	320	537	- 1.031.040
18/01/2018	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	- 16,0	320	537	- 2.749.440
18/01/2018	Chéo 1.96m	cặp	- 39,0	110	537	- 2.303.730
18/01/2018	Tôn sàn 0.5x1m	tấm	- 3,0	267	537	- 430.137
18/01/2018	Xà gồ 5x5x3m	cây	- 15,0	300	537	- 2.416.500
18/01/2018	Xà gồ 5x5x2.5m	cây	- 1,0	250	537	- 134.250
18/01/2018	Xà gồ 5x10x3m	cây	- 5,0	367	537	- 985.395
18/01/2018	Chéo 1.76m	cặp	- 12,0	110	537	- 708.840
18/01/2018	kích U 500	cây	- 28,0	100	537	- 1.503.600
18/01/2018	Chống tăng	cây	- 80,0	367	537	- 15.766.320
20/01/2018	Xà gồ 5x5x2.5m	cây	- 15,0	250	535	- 2.006.250
20/01/2018	Chống tăng	cây	- 24,5	367	535	- 4.810.453
20/01/2018	Xà gồ 5x5x3m	cây	- 55,0	300	535	- 8 827 500
20/01/2018	Xà gồ 5x10x3m	cây	- 33,0	367	535	- 6.479.385
20/01/2018	Xà gồ 5x10x2.5m	cây	- 1,0	306	535	- 163.710
20/01/2018	kích U 500	cây	- 121,0	100	535	- 6.473.500
20/01/2018	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	- 12,0	320	535	- 2.054.400
20/01/2018	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	- 8,0	320	535	- 1.369.600
20/01/2018	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	- 24,0	320	535	- 4.108.800
20/01/2018	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	- 33,0	320	535	- 5.649.600
20/01/2018	Chéo 1.96m	cặp	- 59,0	110	535	- 3.472.150
20/01/2018	Chéo 1.76m	cặp	- 14,0	110	535	- 823.900
20/01/2018	Dàn giáo 0.9m	khung	- 11,0	210	535	- 1.235.850
02/02/2018	Xà gồ 5x5x3m	cây	- 18,0	300	522	- 2 818 800
02/02/2018	Xà gồ 5x5x1m	cây	- 4,0	100	522	- 208 800
02/02/2018	Xà gồ 5x10x3m	cây	- 4,0	367	522	- 766.296
02/02/2018	Xà gồ 5x10x2m	cây	- 1,0	245	522	- 127.890
02/02/2018	Xà gồ 5x10x1m	cây	- 5,0	123	522	- 321.030
02/02/2018	Xà gồ 5x5x2m	cây	- 2,0	200	522	- 208.800

02/02/2018	Chéo 1.76m	cặp	- 24,0	110	522	- 1 378 080
02/02/2018	Chéo 1.96m	cặp	- 35,0	110	522	- 2.009.700
02/02/2018	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	- 25,0	320	522	- 4.176.000
02/02/2018	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	- 11,0	320	522	- 1.837.440
02/02/2018	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	- 25,0	320	522	- 4.176.000
02/02/2018	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	- 27,0	320	522	- 4.510.080
02/02/2018	Chống tăng	cây	- 26,5	367	522	- 5.076.711
02/02/2018	Dàn giáo 1.2m	khung	- 16,0	260	522	- 2.171.520
02/02/2018	Tôn sàn 1mx1m	tấm	- 10,0	534	522	- 2.787.480
	Tổng cộng :		**850**			**178 653 150**

Như vậy tổng cộng số tiền thuê mà bị đơn chưa thanh toán được xác định là 352.861.320 đồng.

[4] Quá trình tố tụng bị đơn vắng mặt và không có bất kỳ ý kiến nào cũng như không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc đã thanh toán tiền thuê và các thiết bị đã thuê. Do đó căn cứ vào các phiếu xuất kho và phiếu nhập kho do Công ty T cung cấp và đơn giá các thiết bị cho thuê được nguyên đơn, bị đơn thống nhất trong hợp đồng và phụ lục hợp đồng có cơ sở xác định giá trị tài sản bị đơn có trách nhiệm bồi thường cho nguyên đơn là 223.441.000 đồng. Cụ thể như sau:

1. Công trình Q2:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	PHIẾU XUẤT KHO		PHIẾU NHẬP KHO	Số lượng còn lại	Đơn giá đền bù (đồng)	Thành tiền (đồng)
			Số 409	Số 447				
			ngày 24-08-2017	ngày 28-08-2017				
1	Xà gồ 5x10x3m	cây	100			100	180000	18.000.000
2	Xà gồ 5x5x2m	cây		20		20	72000	1.440.000
3	Xà gồ 5x5x3m	cây		40		40	110000	4.400.000
4	Dàn giáo 1.7m cđ xanh	khung		21		21	235000	4.935.000
5	Dàn giáo 1.2m	khung		21		21	200000	4.200.000
6	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	21			21	225000	4.725.000
7	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	21			21	225000	4.725.000
8	Chống tăng	cây	30	40		70	210000	14.700.000
9	kích U 500	cây	30	40		70	45000	3.150.000
10	Chéo 1.76m	cặp		21		21	45000	945.000
11	Chéo 1.96m	cặp	42	21		63	45000	2.835.000
12	Tôn sàn 0.5x1m	tấm		10		10	115000	1.150.000
13	Tôn sàn 1mx1m	tấm		40		40	230000	9.200.000

Tổng tiền đền bù	**74.405.000**

2. Công trình Q:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	PHIẾU XUẤT KHO			Phiếu nhập kho	Số lượng chưa trả	Đơn giá đền bù (đồng)	Thành tiền
			Số 06 Ngày 02-08-2017	Số 304 Ngày 14-08-2017	Số 415 Ngày 25-08-2017				
1	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	21				21	235000	4.935.000
2	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	21				21	235000	4.935.000
3	Chéo 1.96m	cặp	42				42	45000	1.890.000
4	kích U 500	cây	40				40	45000	1.800.000
5	Tôn sàn 1mx1m	tấm		30	30		60	230000	13.800.000
6	Tôn sàn 0.5x1m	tấm		10			10	115000	1.150.000
	Tổng tiền đền bù								**28.510.000**

3.Công trình T:

STT	Tên thiết bị	Đơn vị	PHIẾU XUẤT KHO		PHIẾU NHẬP KHO	Số lượng còn lại	Đơn giá đền bù (đồng)	Thành tiền
			Số 228 26/09/2017	Số 219 26/09/2017				
1	kích U 500	cây	50			50	40000	2.000.000
2	Tôn sàn 1mx1m	tấm	20	60		80	230000	18.400.000
3	Tôn sàn 0.5x1m	tấm		10		10	115000	1.150.000
	Tổng tiền đền bù							**21.550.000**

4. Công trình C:

Số TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Xuất kho từ ngày 28/7/2017 đến ngày 12/9/2017	Nhập kho từ ngày 26/12/2017 đến ngày 02/02/2018	Số lượng còn lại	Đơn giá đền bù (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Chéo 1.76m	cặp	105	58	47	43000	2.021.000
2	Chéo 1.96m	cặp	315	189	126	45000	5.670.000
3	Chống tăng	cây	230	153	77	210000	16.170.000

4	Dàn giáo 1.2m	cái	105	76	29	235000	6.815.000
5	Dàn giáo 1.5m cđ	khung	42	29	13	225000	2.925.000
6	Dàn giáo 1.5m kđ	khung	42	40	2	225000	450.000
7	Dàn giáo 1.7m cđ	khung	126	95	31	235000	7.285.000
8	Dàn giáo 1.7m kđ	khung	105	71	34	235000	7.990.000
9	Kích U 500	cây	410	149	261	40000	10.440.000
10	Xà gồ 5x10x3m	cây	160	54	106	180000	19.080.000
11	Xà gồ 5x5x3m	cây	300	117	183	110000	20.130.000
TỔNG TIỀN ĐỀN BÙ							**98.976.000**

[5] Vào các ngày 26/12/2017, 18/01/2018, 20/01/2018 và ngày 02/02/2018, tại Công trình C, bị đơn đã giao trả cho nguyên đơn một số thiết bị không nằm trong danh mục đã xuất kho, nguyên đơn đồng ý khấu trừ giá trị tài sản các thiết bị này nên ghi nhận. Cụ thể danh mục thiết bị nguyên đơn đồng ý khấu trừ bao gồm:

Số TT	Tên thiết bị	Đơn vị	Số thiết bị trả dư	Đơn giá đền bù đồng ý thanh toán (đồng)	Thành tiền (đồng)
1	Dàn giáo 0.9m	khung	11	44000	484.000
2	Tôn sàn 0.5x1m	tấm	3	41250	123.750
3	Tôn sàn 1mx1m	tấm	17	77000	1.309.000
4	Xà gồ 4x8x2m	cây	2	37000	74.000
5	Xà gồ 4x8x3m	cây	3	55000	165.000
6	Xà gồ 5x10x1m	cây	5	22000	110.000
7	Xà gồ 5x10x1.5m	cây	1	33000	33.000
8	Xà gồ 5x10x2m	cây	2	44000	88.000
9	Xà gồ 5x10x2.5m	cây	1	55000	55.000
10	Xà gồ 5x5x1m	cây	4	13000	52.000
11	Xà gồ 5x5x2m	cây	2	26000	52.000
12	Xà gồ 5x5x2.5m	cây	16	32000	512.000
TỔNG CỘNG					**3.057.750**

Ngoài ra, quá trình thỏa thuận ký kết hợp đồng, bị đơn đã thanh toán cho nguyên đơn tiền đặt cọc và tiền thuê số tiền 55.083.800 đồng, cụ thể như sau:

1. **Công trình Q2**: đã thanh toán 18.831.000 đồng vào các ngày:

Ngày 24/8/2017: 4.223.000 đồng;

Ngày 28/8/2017: 4.608.000 đồng;

Ngày 28/11/2017: 10.000.000 đồng;

2. **Công trình Q**: đã thanh toán 3.463.600 đồng vào các ngày:

Ngày 31/7/2017: 1.953.600 đồng;

Ngày 28/8/2017: 1.510.000 đồng;

3. Công trình T: đã thanh toán 3.000.000 đồng vào ngày 26/9/2017.

4. Công trình C: đã thanh toán 29.789.200 đồng vào các ngày:

Ngày 27/7/2017: 7.550.000 đồng;

Ngày 31/7/2017: 8.755.200 đồng;

Ngày 02/8/2017; 800.000 đồng;

Ngày 14/8/2017: 6.000.000 đồng;

Ngày 24/8/2017: 3.394.000 đồng;

Ngày 28/8/2017: 1.100.000 đồng;

Ngày 12/9/2017: 2.190.000 đồng;

Như vậy sau khi trừ số tiền cọc, tiền thuê thiết bị đã thanh toán, khấu trừ thiết bị nhận dư không có trong danh mục xuất kho thì bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền 518.160.770 đồng.

[6] Từ những phân tích trên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã D, tỉnh Bình Dương.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu. Bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, 227, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 249 Bộ luật Dân sự;

Điều 269 đến 271 Luật thương mại 2006.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T với Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc Xây Dựng B về việc tranh chấp hợp đồng thuê thiết bị xây dựng.

Buộc Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc Xây Dựng B phải thanh toán tiền thuê thiết bị tính đến ngày 29/7/2019 và bồi thường giá trị thiết bị tài sản đã thuê cho Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T với tổng số tiền 518.160.770 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Kiến Trúc Xây Dựng B phải chịu 24.726.400 đồng. Công ty TNHH Sản Xuất Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty TNHH Sản Xuất

Thương Mại Dịch Vụ Xây Dựng T 11.562.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0028349 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã D, tỉnh Bình Dương.

3. Án xử công khai, tuyên án vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn.

4. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã D;
- Chi cục THADS thị xã D;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Mỹ Hạnh